

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày 16-4-2021

*“V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thành.

2. Ông Trần Văn Cường.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Hương Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Khánh Nhạc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại Toà án nhân dân thị xã Hương Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/10/2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi về con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Kim P, sinh năm 19... Địa chỉ: Thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Lê Viết T, sinh năm 19... Địa chỉ: Tổ X, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/9/2020 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Ngô Thị Kim P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và anh Lê Viết T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 02/4/2018, tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở nhà cha mẹ chồng ở tổ X, phường P, thị xã H. Khoảng thời gian đầu chung sống với nhau, vợ chồng sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2020, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường nhậu rồi về đe dọa, đánh đập chị, mặt khác vợ chồng thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, không hòa hợp được với nhau. Do đó, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 04/2020 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Chị P không còn tình cảm vợ chồng, không thể trở về chung sống với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị P và anh T có 01 con chung tên là Lê Quỳnh Thảo N, sinh ngày ...2018, hiện đang ở với chị P. Chị P yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng, kể từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo cho anh Lê Viết T biết việc chị P xin ly hôn nhưng trong thời hạn luật định anh T không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án cũng đã 02 lần Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt dù đã được tổng đạt hợp lệ nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa ngày 06/4/2021, anh T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 16/4/2021, đồng thời tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn tiếp tục vắng mặt.

Qua xác minh tại nơi cư trú của anh T, bà Lê Thị M là mẹ đẻ của anh T cho biết: Anh T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, cũng như các giấy triệu tập, thông báo của Tòa án. Hiện tại, anh T và chị P không còn chung sống với nhau, chị P đã bỏ về ở với cha mẹ đẻ ở tỉnh Quảng Ngãi, khi đi thì dẫn theo cháu Lê Quỳnh Thảo N để chăm sóc, nuôi dưỡng từ đó cho đến nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng thì bà không biết cụ thể.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo yêu cầu của nguyên đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Kim P, cho chị P được ly hôn anh Lê Viết T; đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lê Quỳnh Thảo N, sinh ngày ...2018 cho chị Ngô Thị Kim P chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; buộc anh Lê Viết T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng là 1.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nêu trên là hợp lệ nhưng bị đơn là anh Lê Viết T cố tình vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án không

tiến hành hòa giải được và hai lần vắng mặt tại phiên tòa. Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Kim P và anh Lê Viết T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 02/4/2018, tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị P và anh T đã sống ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể trở về chung sống với nhau. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị P và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị P yêu cầu được ly hôn anh T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị P và anh T có 01 con chung tên là Lê Quỳnh Thảo N, sinh ngày2018. Từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau, cháu N vẫn do chị P chăm sóc, nuôi dưỡng. Do cháu N dưới 36 tháng tuổi, chị P yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N đến đủ 18 tuổi là có căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu của chị P.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, theo quy định tại khoản 02 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị P, buộc anh Lê Viết T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Ngô Thị Kim P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Ngô Thị Kim P, anh Lê Viết T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Kim P, chị Ngô Thị Kim P được ly hôn anh Lê Viết T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Quỳnh Thảo N, sinh ngày2018 cho chị Ngô Thị Kim P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Lê Viết T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Anh Lê Viết T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng là 1.500.000 đồng, kể từ khi ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N đủ 18.

Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng thì người phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Buộc chị Ngô Thị Kim P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2016/0001184 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy. Chị Ngô Thị Kim P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Lê Viết T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TX. Hương Thủy;
- Chi cục THADS TX. Hương Thủy;
- UBND phường Phú Bài;
- Các đương sự.
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Phương Thảo